CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Cảng An Giang

Ngày 31/03/2024	7,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	5.6%	-3.8%

DT thuần
Q1/24
9.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.34| 3.9%
YoY: ▼11.4| -55.4%

LN thuần
Q1/24
-1.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.55| -3100%
YoY: ▼4.00| -167%

LN sau thuế
Q1/24
-1.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.54| -3081%
YoY: ▼3.50| -183%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
-17.4%
YoY: +/-▼ 16.8%

ROE (TTM)
Q1/24
-0.3%
YoY: +/-▼ 2.4%

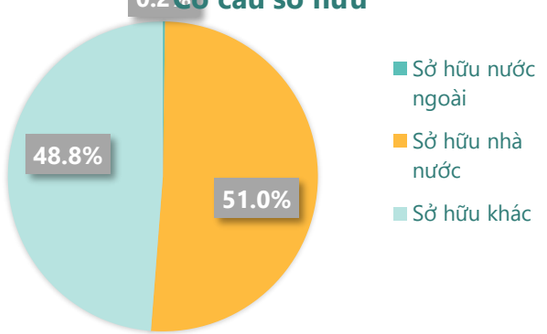
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 9,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	104
Số lượng CPLH (CP)	13,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,960
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.35
EPS	-30
P/E	-252.1

DT thuần
2023
59.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.9| -21.2%

LN thuần
2023
3.93
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.04| -56.2%

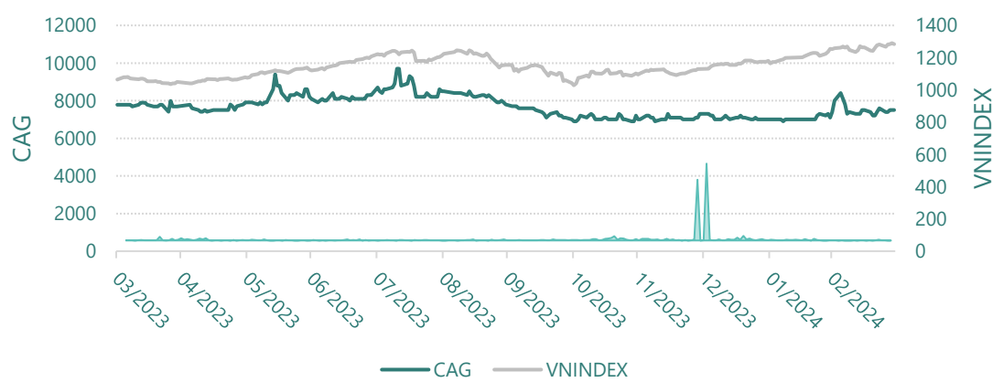
LN sau thuế
2023
3.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.19| -50.7%

Cơ cấu sở hữu

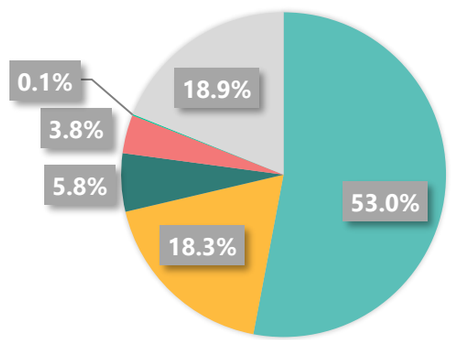


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

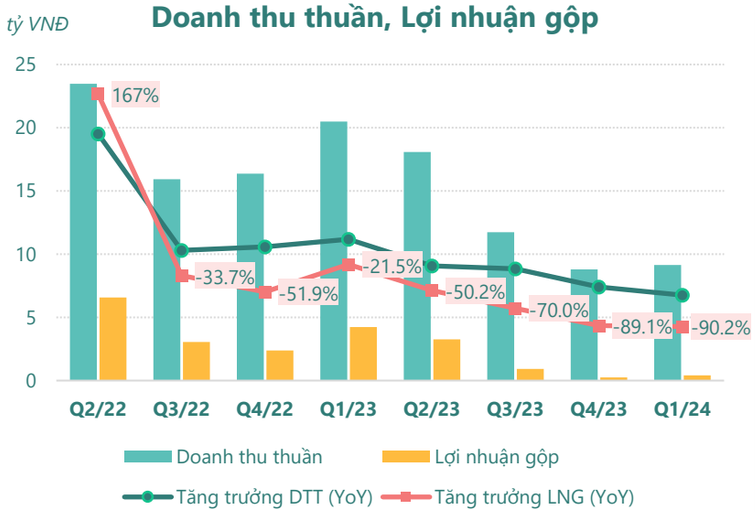


Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
Nguyễn Văn Linh
CTCP Vận tải thủy Tân Cảng
Lê Văn Phúc
Nguyễn Thị Minh Phương
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

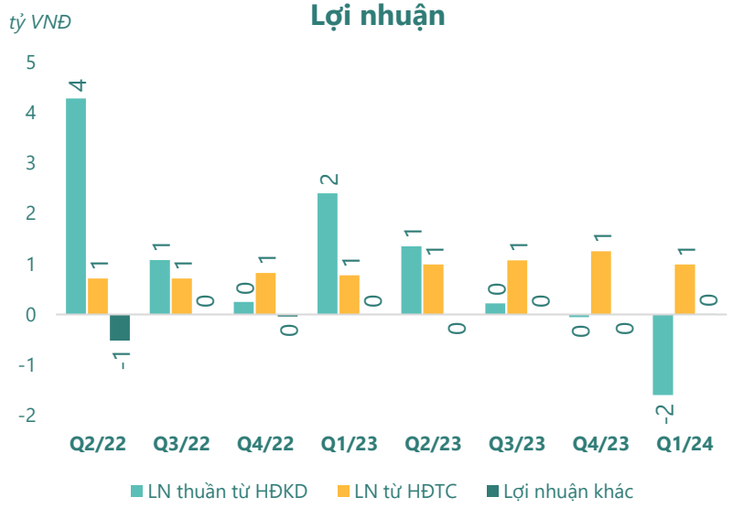
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



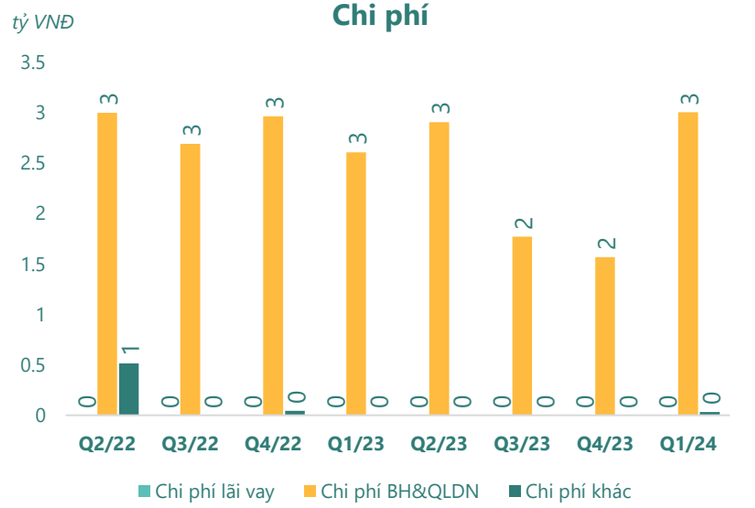
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



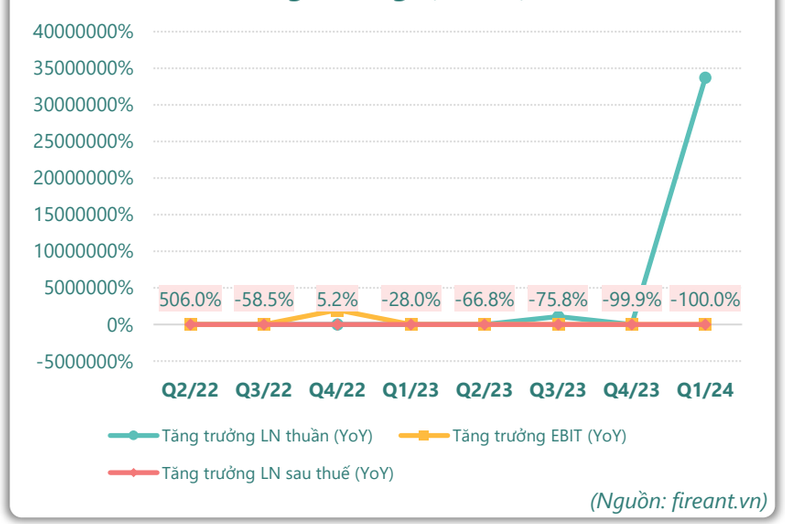
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



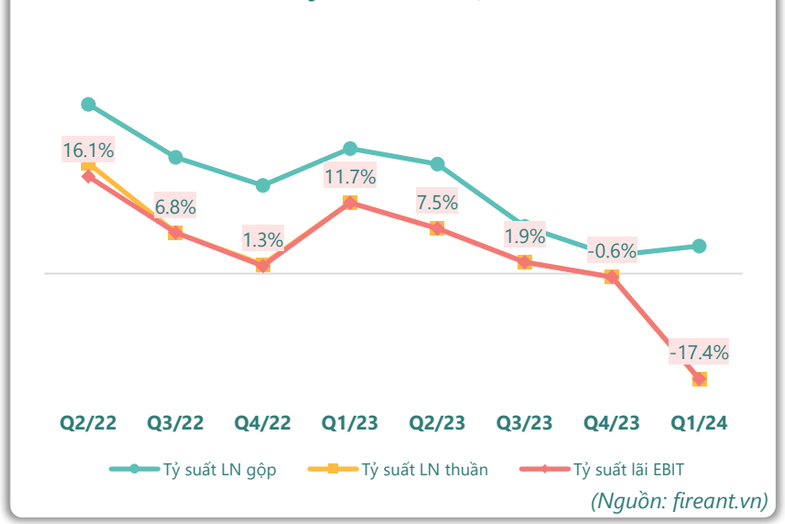
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



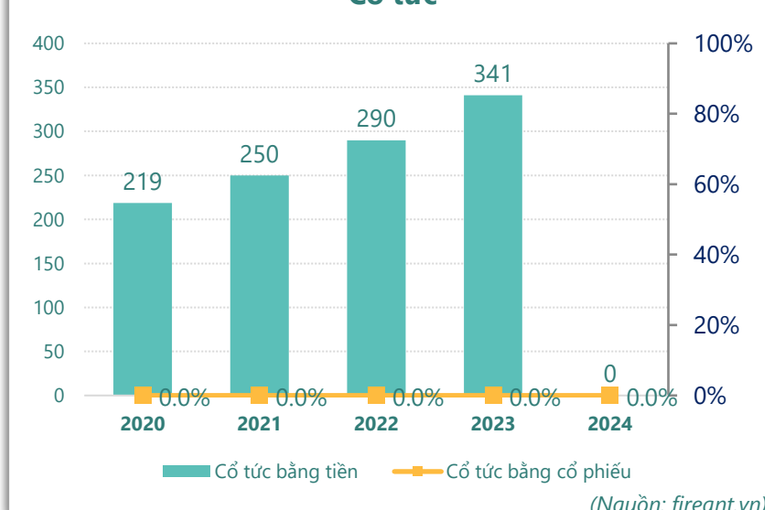
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



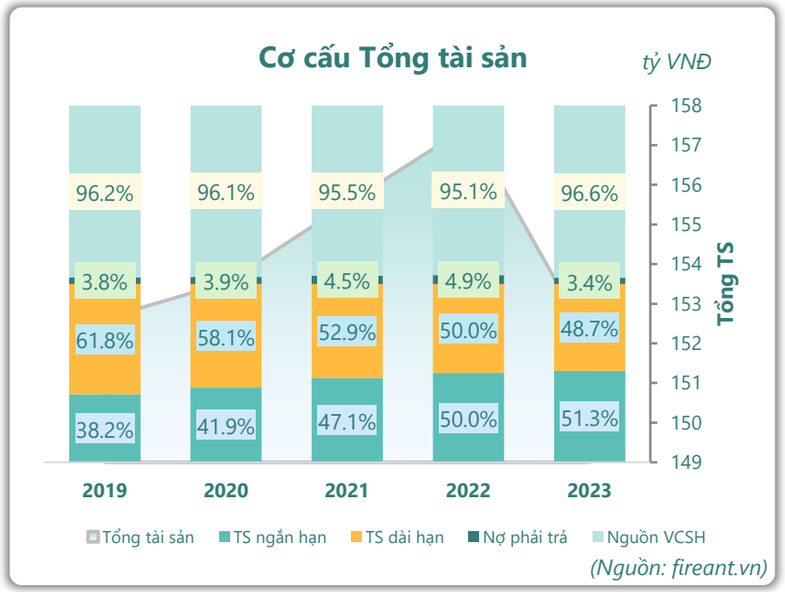
(Nguồn: fireant.vn)

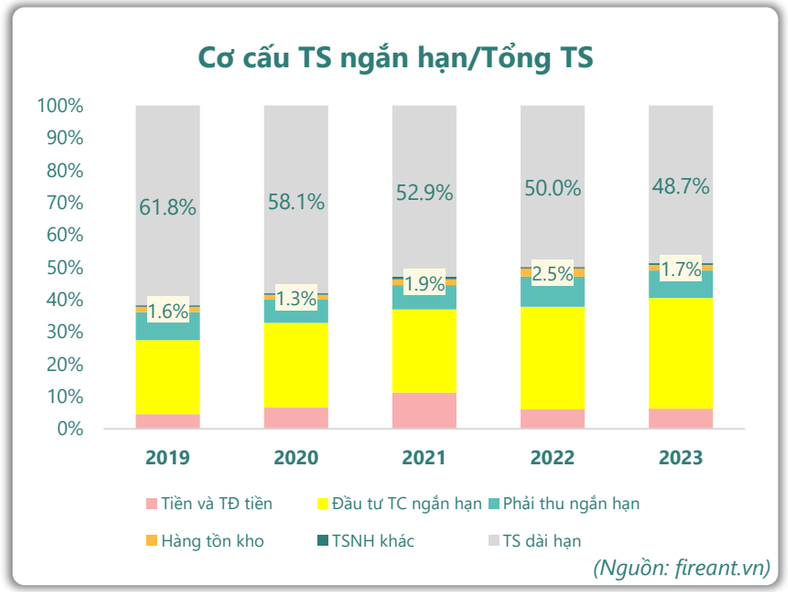
Cổ tức

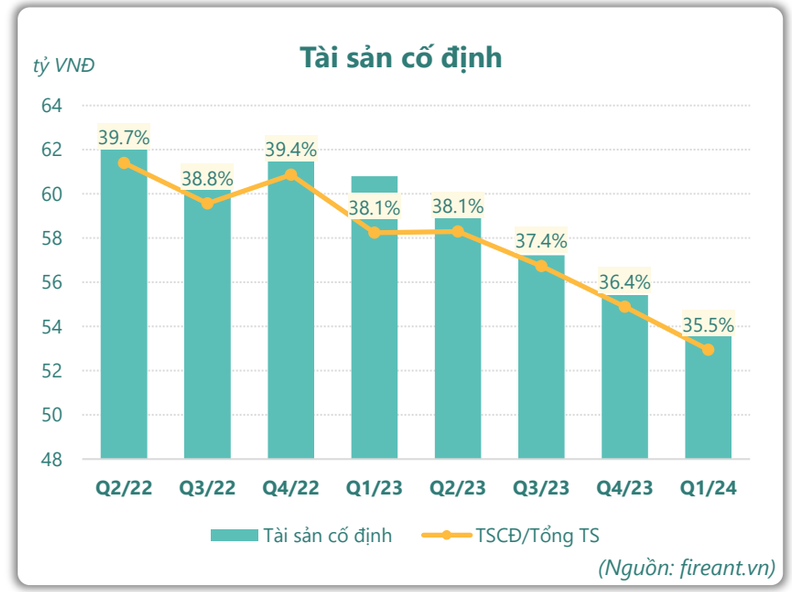


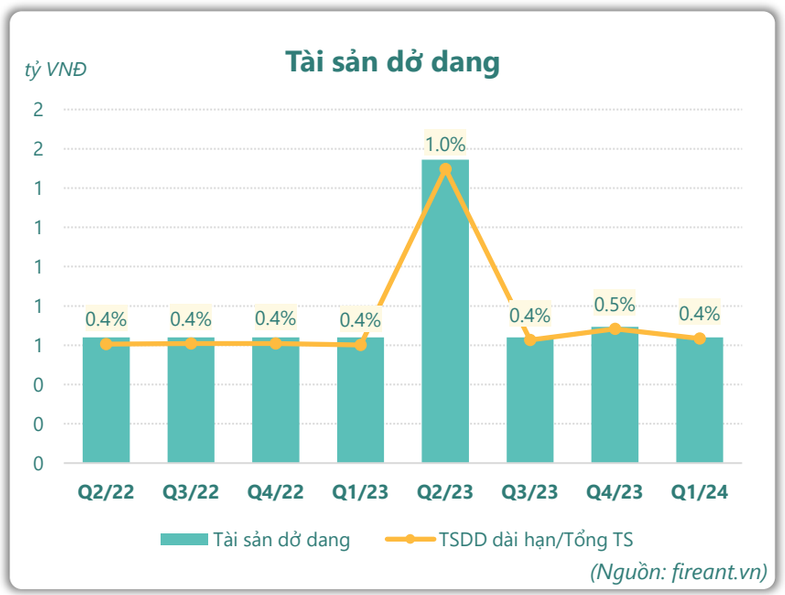
(Nguồn: fireant.vn)

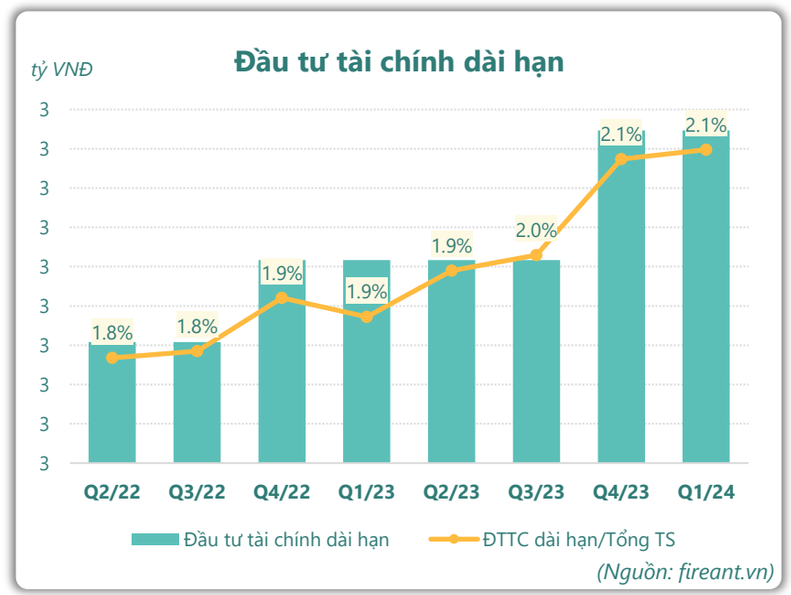
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

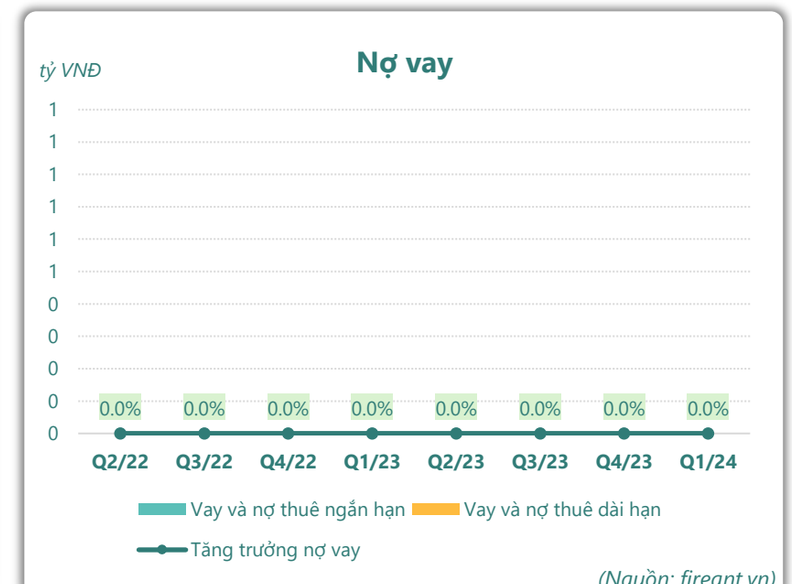






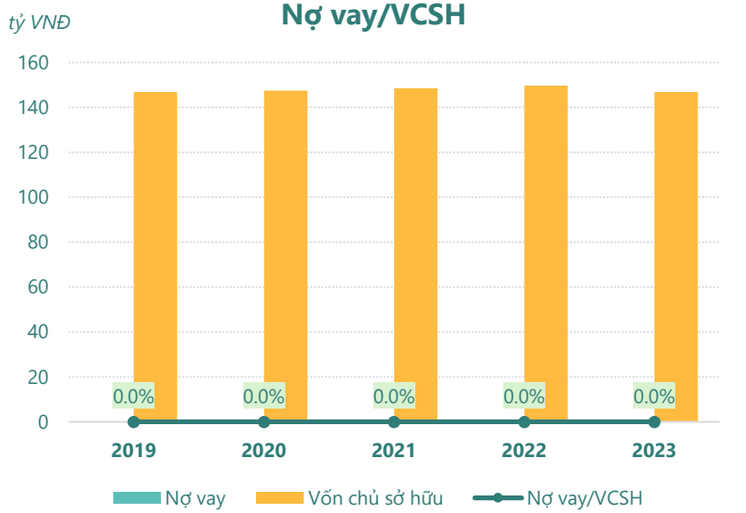






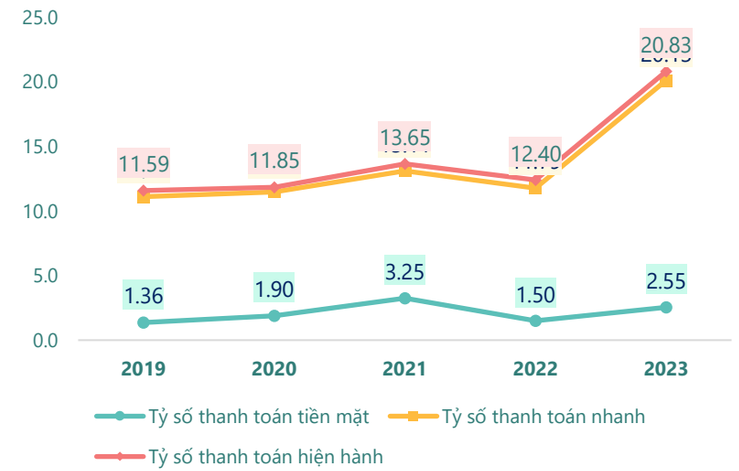
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



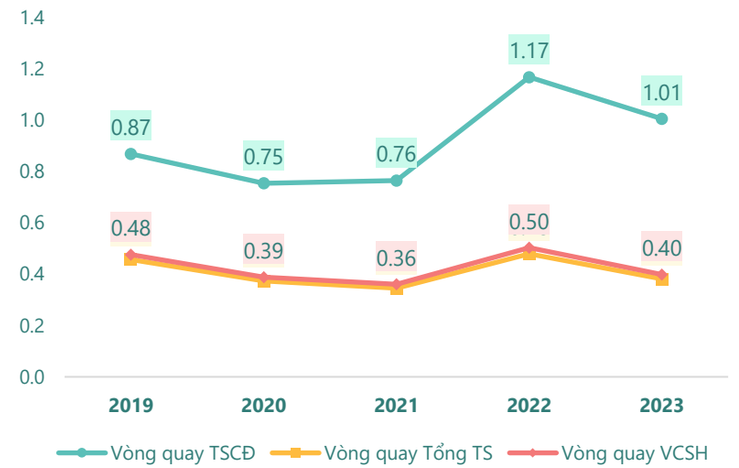
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



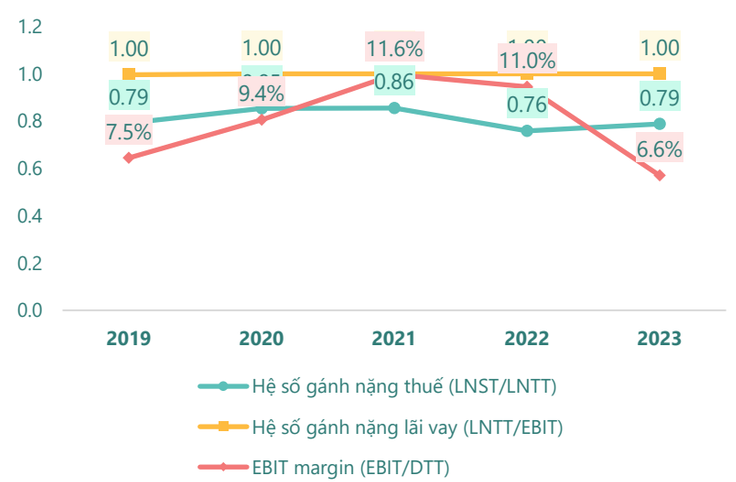
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



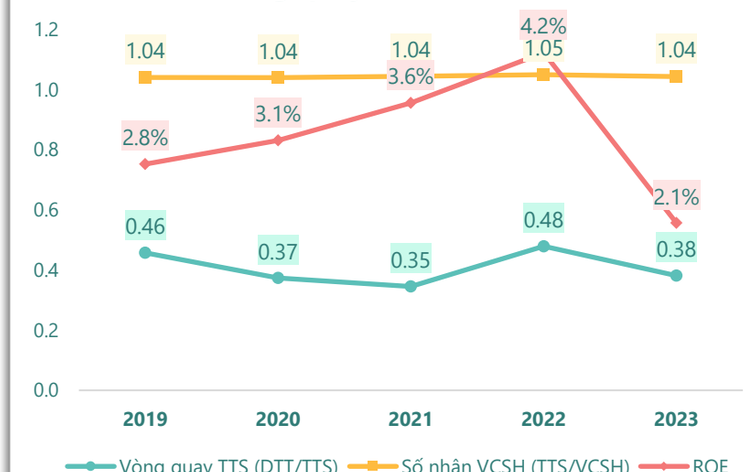
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



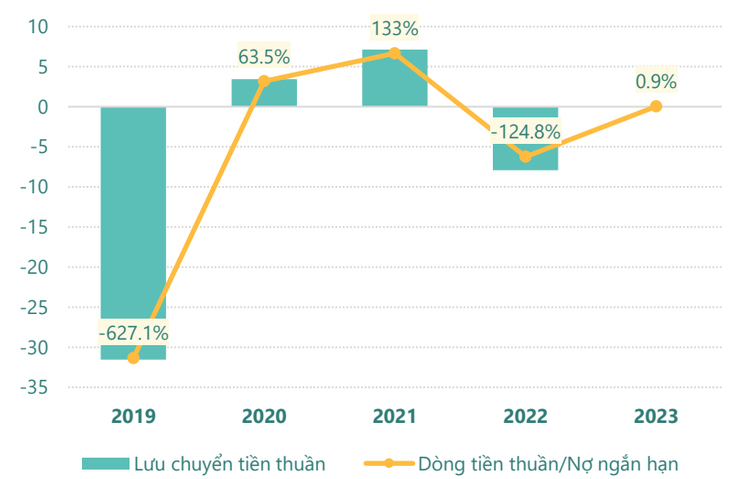
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.14**	**20.5**	**-55.4%**	**59.1**	**75.0**	**-21.2%**
Giá vốn hàng bán	8.72	16.2	-46.1%	50.4	57.6	-12.5%
Lợi nhuận gộp	0.42	4.24	-90.2%	8.69	17.4	-50.1%
Doanh thu HĐTC	0.99	0.78	27.0%	3.94	2.86	37.5%
Chi phí TC	0	0.00		-0.16	-0.10	-57.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.35	0.31	11.4%	1.15	1.45	-20.1%
Chi phí QLDN	**2.66**	**2.30**	**15.7%**	**7.70**	**9.96**	**-22.6%**
LN thuần từ HĐKD	-1.60	2.40	-167%	3.93	8.97	-56.2%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.00**		**0.00**	**-0.70**	**99.9%**
LN trước thuế	-1.59	2.40	-166%	3.93	8.28	-52.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.59**	**1.91**	**-183%**	**3.09**	**6.28**	**-50.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.59**	**1.91**	**-183%**	**3.09**	**6.28**	**-50.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.84	-1.50	1.93	2.16	3.89	-2.45
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.99	-0.53	-1.91	0.04	-0.05	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.00	0	0	0	-4.00	0
Tiền đầu kỳ	10.7	9.51	7.49	7.51	9.71	9.55
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.15**	**-2.02**	**0.02**	**2.20**	**-0.16**	**-2.43**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	9.51	7.49	7.51	9.71	9.55	7.12

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**151**	**152**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	76.9	78.0	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	7.12	9.55	-25.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	52.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	14.6	12.9	13.3%
Hàng tồn kho	2.32	2.60	-10.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.87	0.92	-5.0%
Tài sản dài hạn	**74.3**	**74.1**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	11.3	11.3	0.0%
Tài sản cố định	53.6	55.4	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.64	0.69	-7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.17	3.17	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**5.51**	**3.49**	**57.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.81	5.24	10.8%
Nợ ngắn hạn	**4.31**	**3.74**	**15.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.65	0.06	2493%
Nợ dài hạn	1.50	1.50	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	138	138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)